TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh H1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Giang– kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1980 – *Đề nghị xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn TP, xã SH, huyện TT, Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H1, sinh năm 1974 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn TP, xã SH, huyện TT, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế H1 tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại gia đình nhà anh H1, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Khoảng từ năm 2019 giữa chị và anh H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên có những bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, cuộc

sống chung không hạnh phúc. Vào tháng 9/2020, mâu thuẫn giữa chị và anh H1 căng thẳng hơn nhưng vì không muốn làm ảnh hưởng tới tâm lý của con nên chị vẫn chịu đựng, cho đến tháng 5/2022 chị chuyển ra ở riêng và yêu cầu giải quyết ly hôn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình, bạn bè khuyên bảo, động viên, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị xác định chị và anh H1 tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh H1 có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/4/2006. Chị đề nghị giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thế H1 vắng mặt nên không thu thập được chứng cứ do anh H cung cấp.

Tại biên bản xác minh ngày 20/7/2022 tại UBND xã SH có nội dung: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Thế H đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2005, đăng ký tại UBND xã Thái S (cũ) nay là xã SH. Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến nay chị H và anh H1 có mâu thuẫn. Địa chỉ nơi cư trú của anh Nguyễn Thế H1 ở tại thôn TP, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình là đúng.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị H ly hôn anh H; Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/4/2006, đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Thế H1 có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống căng thẳng từ tháng 9 năm 2020 dẫn đến việc chị H tách ra ở riêng và có yêu cầu ly hôn. Anh H1 đã được nhận tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và giấy mời đến làm việc nhưng bỏ mặc không đến, không có giải pháp nào hòa giải cho anh, chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh H1.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Thế H1 có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/4/2006. Hiện nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét đề nghị của chị H được trực tiếp nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị H và anh H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung:* Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3].*Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H ly hôn anh Nguyễn Thế H1.

2.Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Thế H1 có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/4/2006. Giao cho chị Nguyễn Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Ng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị H và anh H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004216 ngày 03/6/2022. Chị Nguyễn Thị Mai H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Thế H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND xã SH (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan